

Bản án số: 90/2020/DS-ST

Ngày: 01/12/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Triều

Bà Nguyễn Trường Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận NK, thành phố CT: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 64/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 687/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TT (Sacombank).

Trụ sở chính: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 – Trưởng phòng giao dịch Trần Giang (Giấy ủy quyền số 2095/2018/UQ-TTT ngày 21/7/2020).
Có mặt

Địa chỉ: 95, 97, 99 Võ Văn Tần, phường Tân An, quận NK, thành phố CT.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: 19B Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận NK, thành phố CT.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Minh T. Vắng mặt

Địa chỉ: 19B Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận NK, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP TT trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 26/3/2015, bà Nguyễn Thị Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP TT (Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (mục đích tiêu dùng cá nhân). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.227.156 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, bà N thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.440.000 đồng, sau đó không trả nợ cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/3/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/11/2018, bà N còn nợ tổng cộng là 20.189.484 đồng (nợ gốc: 12.006.446 đồng, lãi: 8.183.038 đồng).

Ngân hàng đã yêu cầu bà N trả nợ, nhưng bà N không thực hiện.

Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 29/11/2018, bà N còn nợ tổng cộng là 20.189.484 đồng (nợ gốc: 12.006.446 đồng, lãi: 8.183.038 đồng). Đồng thời bà N trả lãi phát sinh tính từ ngày 30/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/7/2020, nguyên đơn Ngân hàng TMCP TT trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 26/4/2015, bà Nguyễn Thị Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP TT (Ngân hàng) Hợp đồng vay số: LD1411600202.

Số tiền vay: 65.000.000 đồng

Dư nợ: 5.686.000 đồng

Thời hạn vay: 48 tháng

Lãi suất vay cố định: 7.8%/năm

Quá trình vay vốn bà Nguyễn Thị Thanh N đã thanh toán vốn và lãi đến ngày 13/10/2017. Sau đó không thanh toán nợ cho Ngân hàng, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 08/11/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 07/7/2020, bà N còn nợ Ngân hàng số nợ 11.716.083 đồng (Gốc: 5.686.000 đồng, lãi trong hạn: 5.181.477 đồng, lãi quá hạn: 848.606 đồng). Nay yêu cầu bà N phải thanh toán số nợ tính đến ngày 07/7/2020 là 11.716.083 đồng (Gốc: 5.686.000 đồng, lãi trong hạn: 5.181.477 đồng, lãi quá hạn: 848.606 đồng) và chịu lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán nợ trên 02 hợp đồng là 41.366.738 đồng (Trong đó, Hợp đồng thẻ: nợ gốc = 12.006.446 đồng, lãi = 17.643.869 đồng; Hợp đồng vay: nợ gốc = 5.286.000 đồng, lãi = 6.430.423 đồng) và tính lãi phát sinh từ ngày 02/12/2020, cho đến khi bà N trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Về quan hệ tranh chấp, Tòa án xác định tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp. Về nội dung, bà N vay của Ngân hàng trên 02 hợp đồng nhưng sau đó không trả nợ, nên chuyển qua nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/12/2020, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số nợ là 41.366.738 đồng (Trong đó, Hợp đồng thẻ: nợ gốc = 12.006.446 đồng, lãi = 17.643.869 đồng; Hợp đồng vay: nợ gốc = 5.286.000 đồng, lãi = 6.430.423 đồng). Bà N đã vi phạm hợp đồng, nên phía Ngân hàng yêu cầu đòi nợ là có cơ sở.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn cư trú tại quận NK, thành phố CT, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK được quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác định đây là quan hệ tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân với pháp nhân không vì mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn và người liên quan được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[A]. Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng 472074-3008:

Ngày 26/3/2015, bà Nguyễn Thị Thanh N ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP TT với hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.227.156 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, trả nợ được 10.440.000 đồng thì ngưng không trả nợ tiếp. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, nhưng bà N không có thiện chí trả nợ nên chuyển qua nợ quá hạn vào ngày 06/3/2017.

Tạm tính đến ngày 29/11/2018, bà N còn nợ 20.189.484 đồng (Gốc: 12.006.446 đồng, lãi: 8.183.038 đồng).

Tạm tính đến ngày 01/12/2020, bà N còn nợ số tiền đồng (Gốc: 12.006.446 đồng, lãi: 17.643.869 đồng). Do đó, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 02/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

[B]. Đối với Hợp đồng vay số: LD1411600202:

Ngày 26/4/2015, bà Nguyễn Thị Thanh N ký Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP TT số tiền 65.000.000 đồng (thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay cố định: 7.8%/năm), dư nợ: 5.286.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn trả nợ được 59.714.000 đồng, đến ngày 13/10/2017 thì ngưng. Nên đã chuyển nợ vay sang nợ quá hạn vào ngày 08/11/2017.

Tính đến ngày 07/7/2020, bà N còn nợ 11.716.083 đồng (Gốc: 5.286.000 đồng, lãi trong hạn: 5.181.477 đồng, lãi quá hạn: 848.606 đồng).

Tạm tính đến ngày 01/12/2020, bà N còn nợ 11.716.423 đồng (Gốc: 5.286.000 đồng, lãi: 6.430.423 đồng).

Do đó, bà N có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh cho Ngân hàng trên số nợ gốc tính từ ngày 02/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

[C]. Tổng số nợ mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn trên 02 hợp đồng là 41.366.738 đồng (Hợp đồng thẻ 472074-3008: nợ gốc = 12.006.446 đồng, lãi = 17.643.869 đồng; Hợp đồng vay LD1411600202: nợ gốc = 5.286.000 đồng, lãi = 6.430.423 đồng).

Yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4]. Về án phí DSST: Bị đơn chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn đã nộp 505.000 đồng theo Biên lai số 001763 ngày 11/9/2019 và 300.000 đồng theo Biên lai số 002807 ngày 13/7/2020. Nguyên đơn sẽ được nhận lại số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N thanh toán cho Ngân hàng TMCP TT tổng số nợ của 02 hợp đồng là 41.366.738 đồng (Hợp đồng thẻ 472074-3008: nợ gốc = 12.006.446 đồng, lãi = 17.643.869 đồng; Hợp đồng vay LD1411600202: nợ gốc = 5.286.000 đồng, lãi = 6.430.423 đồng).

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh cho Ngân hàng trên số nợ gốc của 02 Hợp đồng tính từ ngày 02/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

Về án phí DSST: Bị đơn phải nộp 2.068.337 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 505.000 đồng theo Biên lai số 001763 ngày 11/9/2019 và 300.000 đồng theo Biên lai số 002807 ngày 13/7/2020.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP CT
- VKSND quận N
- THADS quận N
- Dương sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Q

Nội nhấn:

- TAND TP Cààn Thô
- VKSND quấn OẦ Moân
- THADS quấn OẦ Moân
- Ñông sớ
- Lũu hoà sô Toạ àn

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ
Thaãm phaùn – Chuû Toĩa phieân toøa

Nguyeãn Hoàng Quaân

CAÙC HOÄI THAẢM NHAÂN DAÂN THAẢM PHAÙN-CHUÛ TOÃ PHIEÂN
TOAØ